TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 565/2025/DS–ST
Ngày: 04-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Võ Thị Lãnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1417/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2025/QĐXXST–DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1496/2025/QĐST–DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; Địa chỉ trụ sở: Số A đường Láng H, phường Láng H, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Mai Phú S, ông Nguyễn Minh T; Cùng địa chỉ: Số B, đường Nguyễn Đình C, phường Bàn C, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2025. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

Ông Phạm Quốc T (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Tuyết M (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số D đường Tô Ngọc V, phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có người đại diện hợp pháp ông Mai Phú S trình bày:

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng T") theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay số LN2202165211556 ký ngày 02/03/2022:

Số tiền vay 1.200.000.000 đồng.

Thời hạn vay 72 tháng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Chenglong.

Ngày giải ngân 02/03/2022.

Lãi suất cố định trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân 9,5%/năm.

Lãi suất điều chỉnh: Lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 4,25%/năm.

Ông Phạm Quốc T và Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã thanh toán cho Ngân hàng T: Tiền gốc 496.581.348 đồng, tiền lãi 311.679.641 đồng, tổng cộng 808.260.989 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M tại Ngân hàng T là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay vốn, ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T kể từ ngày 15/8/2024 nên các khoản vay của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/8/2024, phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng bằng 150% mức lãi suất nợ trong hạn.

Tạm tính đến ngày 04/9/2025, dư nợ chưa thanh toán của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M: Nợ gốc 703.418.652 đồng, nợ lãi 177.579.946 đồng, tổng cộng 880.998.598 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng T rất nhiều lần làm việc yêu cầu ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M thanh toán nợ, nhưng đến nay ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đối với Thẻ tín dụng mở ngày 26/03/2022, ông Phạm Quốc T và Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã thanh toán toàn bộ khoản nợ và đã đóng thẻ tín dụng nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với hợp đồng thẻ tín dụng.

Ngân hàng T kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, tuyên, buộc:

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; tạm tính đến ngày 04/9/2025 là Nợ gốc 703.418.652 đồng, nợ lãi 177.579.946 đồng, tổng cộng 880.998.598 đồng.

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T;

Trường hợp, ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M;

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì buộc ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Ông T và bà M thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày, đề nghị nguyên đơn xem lại số tiền vì ngày 21/10/2024, bị đơn đã đóng vào 30.000.000 đồng. Về số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn, đề nghị được trả dần 15.000.000 đồng/tháng do bị đơn gặp khó khăn về tài chính.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23 do bị tai nạn nên đang cho đi sửa chữa lại.

Do vụ án hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Phú S giữ các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông T, bà M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện ông T, bà M phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông T, bà M có nơi cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông T, bà M theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T, bà M vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những

vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu ông T, bà M thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 04/9/2025 bao gồm nợ gốc 703.418.652 đồng, nợ lãi 177.579.946 đồng, tổng cộng 880.998.598 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng cho vay LN2202165211556 ký ngày 02/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/3/2022; Giấy đề nghị giải ngân ngày 02/3/2022 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông T, bà M; cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho ông T, bà M số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm, cố định 12 tháng đầu sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần theo biên độ +4,25%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà M đã thanh toán tiền gốc là 496.581.348 đồng (đã tính số tiền 29.905.316 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn ngày 21/10/2024) nên số nợ gốc còn lại là 703.418.652 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*1. Bên vay tiền thì phải trả đủ tiền đủ tiền khi đến hạn;"* và tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"* đối chiếu tại điểm a khoản 8 Điều 1 của hợp đồng cho vay ngày 02/3/2022 có thỏa thuận ngân hàng được quyền chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại trước thời hạn. Vì bị đơn ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 703.418.652 đồng trước hạn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*5. Trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi…" và* tại khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng"*

"2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, mức phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Do ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/8/2024, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp; tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2025, tiền nợ lãi và lãi quá hạn là 177.579.946 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà M phải thanh toán số nợ gốc 703.418.652 đồng, nợ lãi 177.579.946 đồng, tổng cộng 880.998.598 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu ông T, bà M còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông T, bà M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số LN2202165211556 ký ngày 02/03/2022, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2025: Tại địa chỉ số 114/190/17 đường Tô Ngọc Vân, Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không có tài sản thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, biển số 50H-141.23. Tại Biên bản hòa giải ngày 25/4/2025, ông T, bà M xác định là chiếc xe là tài sản thế chấp đang được sửa chữa.

Từ những phân tích nêu trên, trường hợp ông T, bà M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nêu trên là có cở sở để chấp nhận. Tài sản thế chấp cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2202165211556 ký ngày 02/03/2022.

[2.5] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì ông T, bà M có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

[2.6] Trường hợp ông T, bà M trả hết nợ thì nguyên đơn phải trả lại cho ông T, bà M bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022.

[2.7] Đối với Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/02/2022, ngày phát hành thẻ là ngày 26/3/2022 do ông T và bà M đã thanh toán hết nợ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn xác định rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ thẻ tín dụng này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bị đơn ông T, bà M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.429.958 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 17.593.046 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

Điều 299, Điều 301, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/9/2025 bao gồm nợ gốc 703.418.652 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 177.579.946 đồng, tổng cộng 880.998.598 đồng; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; theo hợp đồng cho vay số LN2202165211556 ngày 02/03/2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN2202165211556 ngày 02/03/2022 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP T theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chenglong, số loại LZ3310M5FB, số khung LGGX5DF44ML324660, số máy YC6MK38550MX3L3M00032, biển kiểm soát số 50H-141.23, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022, mang tên ông Phạm Quốc T theo hợp đồng thế chấp số ngày 15/12/2021.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Trường hợp ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 105933 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2022.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/02/2022.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

4. Về án phí:

Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 38.429.958 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.593.046 đồng theo Biên lai thu số 0056768 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc